

Dân tộc học



NƯỚC NGOÀI

TỔ CHỨC KHÔNG GIAN GIA ĐÌNH, LÀNG BẢN VÀ BIẾN ĐỔI CỦA NÓ Ở ĐÔNG BẮC THÁI LAN (*)

BERNARD FORMOSO

(Tiếp theo)

III. NGÔI NHÀ - HỆ QUY CHIẾU

Trong bản, những ngôi nhà hiếm khi có các khu chức năng được xây dựng sát nhau. Nói cách khác, nhà tiêu và chỗ tắm rửa thường được đặt xa khỏi khu nhà ở; ngay cả kho đựng thóc cũng vậy. Chúng ta hãy coi đơn vị cư trú là một khoảng không gian có được rào lại hay không, và bao gồm nhiều bộ phận khác nhau.

1. Các trục quy chiếu

Tổ chức bên trong của ngôi nhà được quy theo 2 trục. Trục thứ nhất được thể hiện bằng một cặp cột đầu tiên dựng lên khi dựng nhà. Trục thứ hai, nằm theo hướng đối lập Đông - Tây.

“Cột đầu tiên” (*sao hE: k*) và “cột hồn” (*sa:o khwan*) là hai cột dựng đầu tiên khi làm nhà. Dân bản coi “cột đầu tiên” là tượng trưng cho chân nhà (*ti:n*); trong khi “cột hồn” tượng trưng cho đầu nhà (*hwa*). Trong nghi lễ dựng những cột này, người ta buộc vào “cột đầu tiên” một chiếc sai (bẫy cá, công cụ điển hình của nam giới). Tiếp đó, người ta buộc vào “cột hồn” một lõi xe chỉ - công cụ lao động của phái nữ. Việc đàn ông được gắn với chiếc cột đầu tiên chôn xuống đất thể hiện tính ưu việt của họ - với quan niệm rằng họ có địa vị cao hơn người phụ nữ. Ngược lại, việc gắn “cột đầu tiên” với “chân” nhà và người ta biết địa vị của nó thấp hơn địa vị của “đầu nhà” lại phản ánh quan niệm coi trọng nhà vợ trong hệ thống

thân tộc không phân biệt dòng cha và dòng mẹ của người Lào, mà xu hướng cư trú bên nhà vợ là một trong những dấu hiệu cụ thể.

Như chúng tôi đã nêu (B. Formoso, 1987), ở xã hội Isan, đàn ông giữ những chức vụ có tính “bản lề” trong quan hệ bên trong và bên ngoài, giữa gia đình và xã hội. Vai trò đó được tăng cường bởi địa vị làm chồng và làm rể của anh ta. Rời khỏi gia đình mình, đến ở nhà vợ, anh ta đã gia nhập vào tổng thể xã hội của gia đình vợ nhưng vẫn giữ lại một số mặt như người đứng ngoài. Như vậy, người đàn ông ở đây hiện diện với tư cách là một bộ phận phụ hay có thể bị bỏ đi của một cơ cấu xã hội do gia đình vợ tạo ra (qua yếu tố gián tiếp là hôn nhân); hay với tư cách là một yếu tố cơ động, mang tính “bản lề” so với thế giới bên ngoài; nhưng cũng có thể với tư cách của một nhân tố tiềm ẩn tính không ổn định: đàn ông bị đối lập với đàn bà - người thể hiện vai trò do kế thừa dòng họ, mang tính ổn định và sự trọn vẹn với gia đình mình. Cái đầu tượng trưng cho sự kết hợp giữa hồn và tâm vóc cơ thể của con người. Vậy thì người ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy tổ hợp phụ nữ - *dầu* - *hồn* trong biểu tượng liên quan đến “cột hồn”.

Về nguyên tắc, “cột hồn” và “cột đầu tiên” tạo thành một trục vuông góc với đòn nóc. Vào năm 1985, trong nhà ở 2 bản, chỉ có 3 nhà không theo quy tắc này. Nói chung, đòn nóc được đặt theo hướng Đông-Tây. Ở bản Amphawan 94% ngôi nhà đặt theo

hướng này, ở bản Han: 84%. Kiểu nhà này có tầm nhìn về hướng Đông - Bắc. Theo S.Charpentier và P.Clesment, hướng Tây - Nam của đòn nóc là một trong những cách diễn đạt cặp đối lập cơ bản thượng lưu - hạ lưu của dòng sông. Trong trường hợp khác, nó diễn đạt sự vận hành của mặt trời.

Những ngôi nhà có đòn nóc theo hướng Bắc - Nam được coi là *hy:an kwa:ng ta:wen* (nhà ngang với mặt trời). Đây là một kiểu nhà mới, được xây dựng từ khoảng gần 15 năm trước đó. Người ta có thể thấy ở đây việc nối lỏng dần dần quy tắc theo hướng Đông-Tây. Những ngôi nhà có đòn nóc theo hướng Bắc-Nam này thường được dựng ở gần đường. Đòn nóc của ngôi nhà như thể chạy song song với con đường. Chủ những ngôi nhà ấy giải thích rằng họ lựa chọn hướng ấy để cho mặt tiền của cửa vào hướng ra đường.

Từ những năm 1970, S.J.Tabiah đã chỉ ra rằng hướng Đông, ngược lại với hướng Tây,

là hướng thuận lợi với người Isan cũng như ở các xã hội khác ở Đông-Nam Á. Thực vậy, hướng mặt trời mọc gắn với cái chết mà người ta thấy ở trong các nghi lễ tang ma.

Chúng ta sẽ thấy niềm tin này được thể hiện trong tổ chức không gian nhà cửa (vị trí của khách, tùy theo địa vị của họ, ở các dịp lễ và nghi lễ gia đình...). Giờ đây, chúng ta cần lưu ý rằng “cột hồn” và “cột đầu tiên” được định vị ở phía Đông của ngôi nhà chứ không ở vị trí trái ngược. Tác giả trên cũng cho rằng hướng Bắc tốt hơn hướng Nam. Hướng Bắc là hướng của con voi, tượng trưng cho sức mạnh, vua chúa và nhà Phật. Ở đây, vị trí của những người tham dự các lễ hội gia đình và các yếu tố của nghi lễ tang ma còn được biểu lộ, tuy nhiên không được diễn đạt qua vị trí của hai chiếc cột này. Thậm chí về mặt thống kê, “cột hồn” còn được đặt thường xuyên ở phía Nam hơn là ở phía Bắc (xem bảng 1).

Bảng 1: *Hướng của các "cột hồn"*

Hướng Bản	Đông	Tây	Bắc	Nam	Chưa xác định	Tổng số
Bản Amphawan	-	-	50(42,7%)	51(43,6%)	16(13,7%)	117(100%)
Bản Han	7(3,3%)	-	74(34,6%)	99(46,3%)	34(15,8%)	214(100%)
Tổng cộng	7(2,1%)	-	124(37,5%)	150(45,3%)	50(15,1%)	331(100%)

2. Sự khu biệt không gian trong nhà và các bề mặt của ngôi nhà

Trong một ngôi nhà “cột đầu tiên” và “cột hồn” luôn được đặt phía dưới cửa cùng một nóc nhà hai mái nghiêng. Ở “nhà có hiên”, chỗ ngủ (*hy:an no:n*) luôn được giới hạn bởi hai hàng cột. Hàng cột ngoài, có “cột hồn” sẽ là hướng quay đầu vào khi ngủ. Còn

hàng cột phía trong nhà, nơi có “cột đầu tiên” sẽ là hướng người nằm để chân khi ngủ (H.7). Nếu là nhà đôi được đặc trưng hoá bởi hai phần nhà - có hai nóc riêng, được đặt kề nhau - người ta sẽ dựng cho mỗi phần như vậy một cặp cột trên, theo như vị trí vừa chỉ ra. Người ta gọi chỗ ngủ là “nhà lớn”, trong khi đó, khu vực tiếp khách và nghỉ ngơi được gọi là “nhà bé”.

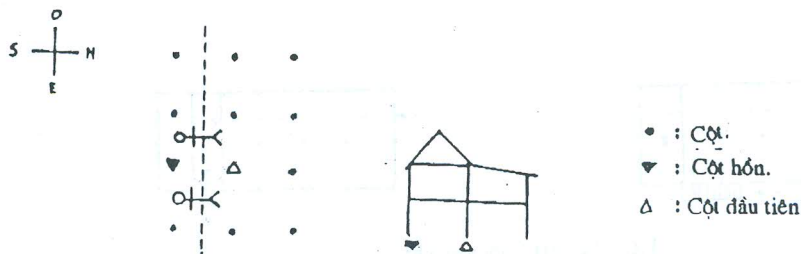


FIG. 7

H7- Vị trí cột hỗn và cột đầu tiên. (hy:an rahieng)

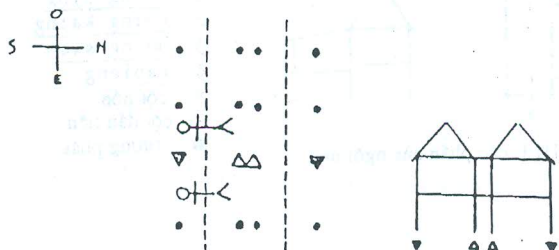


FIG. 8.

H8- Vị trí cột hỗn và cột đầu tiên. (hy:an fE:t)

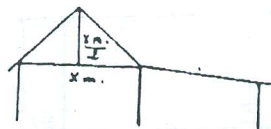


fig. 9a

H9a - Nhà truyền thống



fig. 9b

H9b- Nhà hiện đại

FIG. 9. H9- Độ dốc của mái theo kiểu nhà

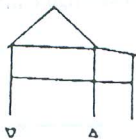


fig. 10a

H10a- kiểu truyền thống



fig. 10b

H10b- kiểu hiện đại dạng 1



fig. 10c

H10c- kiểu hiện đại dạng 2

FIG. 10. H10- Vị trí cột hỗn và cột đầu tiên theo kiểu nhà:

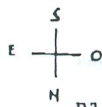


fig. 11a

H11a- nhà

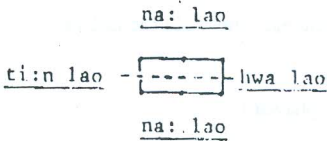


fig. 11b

H11b- kho thóc

FIG. 11. H11- việc xác định phía của ngôi nhà

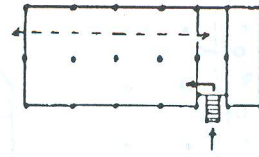
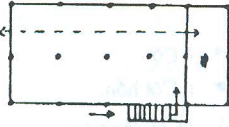
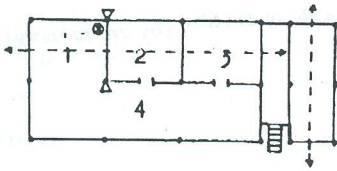


FIG. 12. H12- lối vào nhà



- 1 h0:ng pyng
- 2 h0:ng ka:ng
- 3 h0:ng swam
- 4 rabieng
- ▽ cột hôn
- △ cột đầu tiên
- tượng phật

FIG. 13. H13- các phần của ngôi nhà

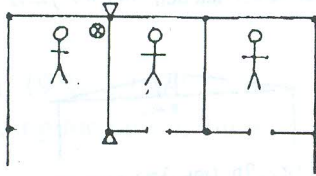
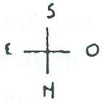


FIG. 14a. H14a- vị trí chỗ ngủ trong buồng ngủ
hO:ng nO:n

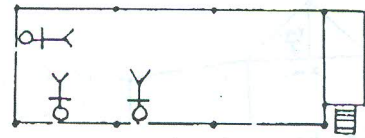
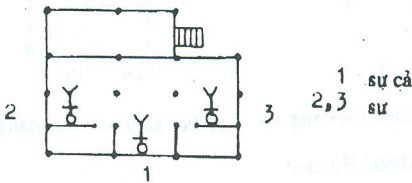
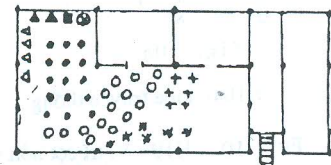


FIG. 14b. H14b- vị trí chỗ ngủ ở hiên



H15- vị trí người ngủ theo thứ bậc: chỗ ở của các nhà sư

(bản Amphawan)



H16- vị trí của hội đồng trong nghi lễ tang ma

- tượng phật
- sư cả
- ▲ sư
- ▲ chủ tiểu
- cụ ông
- cụ bà
- ✕ đàn ông chưa vợ
- ✕ đàn bà chưa chồng

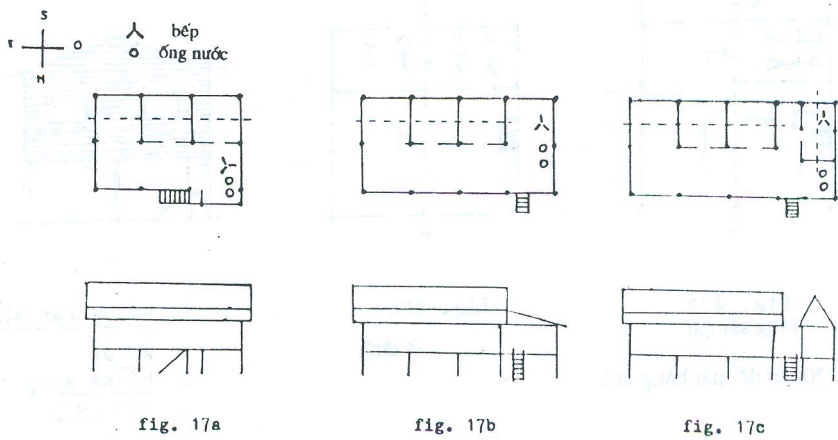


FIG. 17. H17- vị trí của khu nội trợ

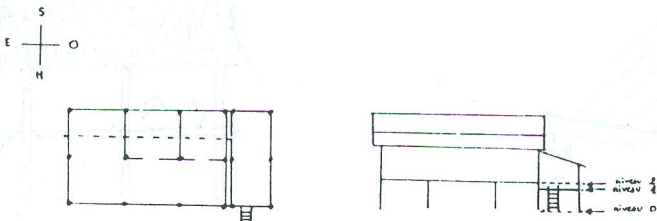


FIG. 18. H18- nhà ba tầng

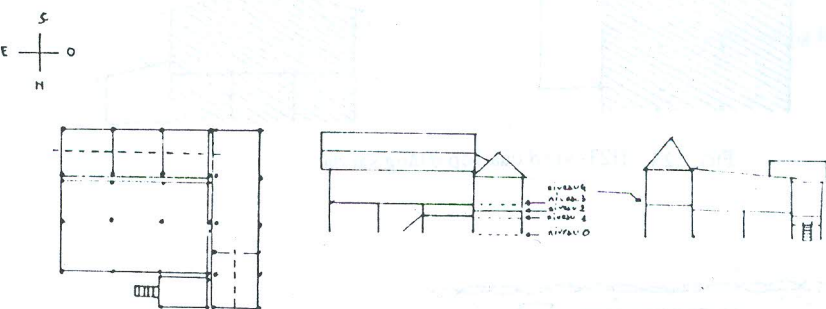


FIG. 19. H19- nhà năm tầng

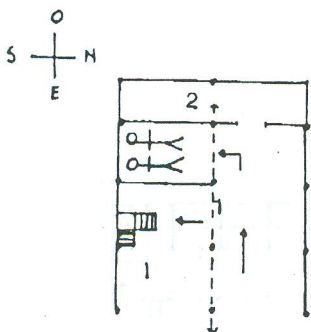


fig. 20a
tầng sát đất

FIG. 20. H20- sơ đồ mặt bằng nhà

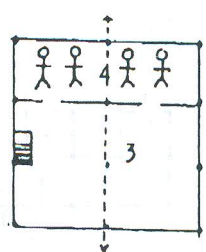
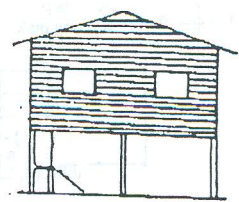


fig. 20b
ở tầng



- 1 h0:ng rap khE:k
- 2 khrwa
- 3 h0:ng kong
- 4 bon n0:n

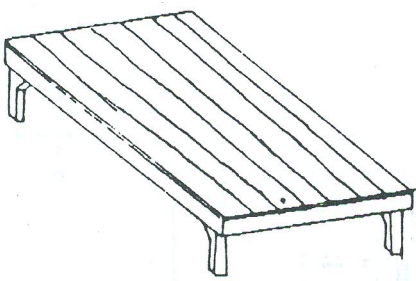


FIG. 21. Bat-flanc

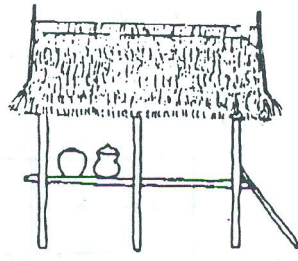


FIG. 22. chòi trồng lúa

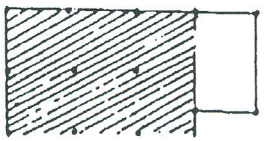
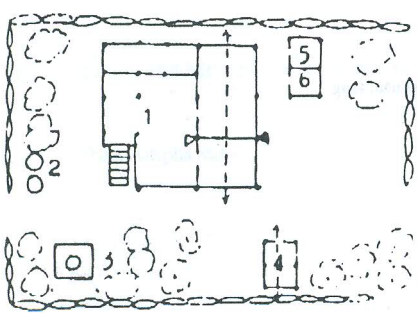
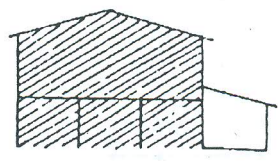


FIG. 23. H23- vị trí của bếp ở tầng sát đất



- 1 nhà ở
- 2 các bình nước
- 3 giếng
- 4 kho thóc
- 5 nhà tiêu
- 6 chỗ rửa rấy
- ▼ cột hỗn
- ▽ cột dầu tiên

FIG. 24. H24- đơn vị cư trú

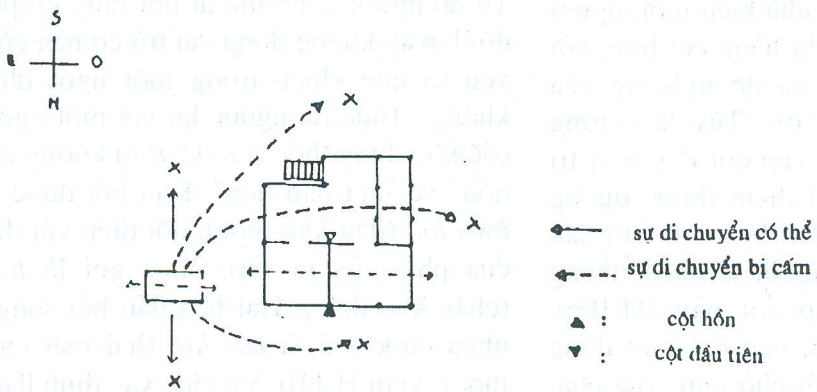


FIG. 25. H25- sự thay đổi vị trí của kho thóc

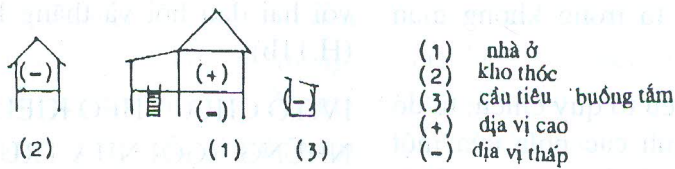
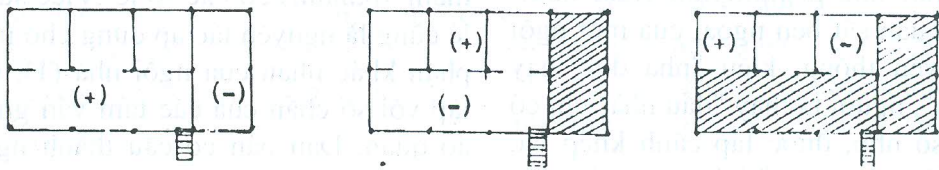


FIG. 26. H26- địa vị tương đối của ngôi nhà so với các phần phụ của nó



H27a- địa vị của bếp so với phần còn lại của ngôi nhà

H27b- địa vị của mái hiên so với các buồng

H27c- địa vị của các buồng khác nhau

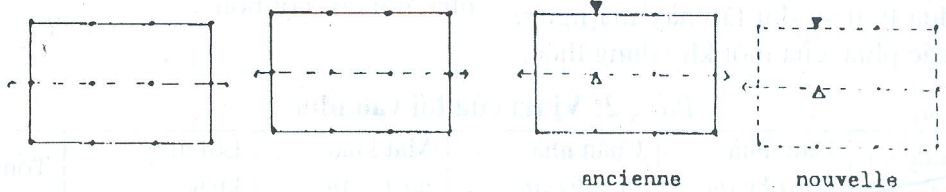


FIG. 28a. Voisinage, règle de non alignement des maisons

FIG. 28b. Règle de la prééminence de la maison ancienne sur la nouvelle

Ở trong những ngôi nhà kiểu mới, người ta thường phải dựng nhiều hàng cột hơn, bởi diện tích nhà mở rộng và độ nghiêng của mái, do đó, thấp hơn (H9). Tùy theo từng ngôi nhà, người ta dựng cặp cột này ở vị trí khác nhau: có thể ở hai điểm thuộc đường giới hạn của chỗ ngủ (H.10b), có thể từ đầu mút của hai mái nhà, người ta chiếu thẳng xuống đất để dựng cặp cột này (H.10c). Trong khi đó, trước kia, cặp cột này đồng thời vừa phải là ranh giới chỗ ngủ, vừa phải tiếp xúc với điểm dưới cùng của mép hai mái nhà. Sự đa dạng này chứng tỏ rõ ràng sự mất hoà hợp giữa các kiểu kiến trúc mới và hệ quy chiếu truyền thống thể hiện chức năng và địa vị của các yếu tố trong không gian nhà.

"Cột.hồn" là một yếu tố quy chiếu, từ đó dân bản có thể xác định các phía của một ngôi nhà. Phía đầu nhà có chứa cột này được gọi là *hwa hy:an* (đầu nhà), đối lập với phía kia, được gọi là *ti:n hy:an* (chân nhà). Người ta gọi đầu hồi nhà là *na:hy:an* (mặt nhà)-H.11a. Khi quan sát bên ngoài của một ngôi nhà *ian* truyền thống, kiểu "nhà đôi" hay "nhà có hiên", người ta thấy "đầu nhà" chỉ có những cửa sổ nhỏ, được lắp cánh khép lại. Trong khi đó, "chân nhà" lại được mở rộng, nhìn ra bên ngoài. Về nguyên tắc, cầu thang và lối đi được đặt ở phía chân của ngôi nhà. Vậy thì, sự đối lập giữa "đầu nhà" và "chân nhà" liên quan đến sự đối lập giữa đóng - mở và mở rộng ra - tức giữa cái cá nhân và cái chung.

Chính dựa trên sự đối lập này mà người ta xác định các phía của một kho đựng thóc.

Từ đó người ta có thể tự hỏi rằng có phải sự đối lập ấy không đóng vai trò cơ bản của một yếu tố quy chiếu trong một ngôi nhà hay không? Thực ra, ngược lại với một ngôi nhà, các kho đựng thóc (*lao kha:w*) không có "cột hồn" và "cột đầu tiên". Đầu hồi được gọi là *hwa lao* (đầu kho thóc), đối diện với đầu hồi của phía cửa ra vào, được gọi là *ti:n lao* (chân kho thóc). Hai bên đầu hồi song song nhau được gọi là *na: lao* (hai mặt của kho thóc)- xem H.11b. Về việc xác định hai phía, sự khác nhau duy nhất giữa kho thóc và ngôi nhà là nếu như ở ngôi nhà, "đầu" và "chân" nhà vuông góc với đòn nóc, thì ở kho thóc, "đầu" và "chân" kho thóc lại tương đương với hai đầu hồi và thẳng hàng với đòn nóc (H.11b).

IV.TỔ CHỨC THEO KIỂU THỨ BẬC CỦA NHỮNG NGÔI NHÀ TRUYỀN THỐNG

1.Lối vào nhà và chỗ tiếp khách

Để vào nhà, người ta dùng một cầu thang (*bandai*) có bậc số lẻ. Việc sử dụng số lẻ cũng là nguyên tắc áp dụng cho một số bộ phận khác nhau của ngôi nhà (1), số lẻ đối lập với số chẵn của các tấm ván ghép thành áo quan. Dân bản có câu thành ngữ chỉ sự đối lập này: *lek khi ju;lek khu ni* (các số lẻ ở lại, các số chẵn bỏ đi). Như chúng tôi đã chỉ ra ở bảng 2, người ta thường vào nhà bằng một cầu thang đặt ở phía trước, được gọi là "chân nhà" và thứ hai là lối đi phụ ở một trong hai bên đầu hồi, được gọi là "mặt nhà". Không có trường hợp nào đi lại ở phía đầu nhà, nơi có "cột hồn".

Bảng 2: Vị trí của lối vào nhà

Vị trí Bản	Đầu nhà <i>Hwa ky:an</i>	Chân nhà <i>Ti: nhy:an</i>	Mặt khác <i>na:hy:an</i>	Lối đi khác	Tổng số
BảnAmphawan	-	60(51,3%)	31(25,5%)	26(22.32%)	117(100%)
Bản Han	-	137(4,0%)	56(26,2%)	21(9,8%)	24(100%)
Tổng cộng	-	197(59,5%)	87(14,2%)	47(14,2%)	331(100%)

Những kiểu lối đi khác ở bảng 2 liên quan đến một phần của các ngôi nhà kiểu mới có cầu thang nằm dưới sàn. Cầu thang này không đối diện với phía trước của ngôi nhà. Ở những ngôi nhà truyền thống, hoặc là cầu thang nằm dọc theo phía trước nhà - khi lên nhà, phải thay đổi phương hướng để đi vào trong nhà - hoặc là lối vào chạy dọc theo một trong các "mặt" nhà, có nghĩa là người ta phải quay người lại, đi vào góc phải của ngôi nhà để đi vào gian tiếp khách hay chỗ nghỉ ngơi (H.12).

Cũng giống như các cư dân ở hữu ngạn sông Mekông (2), về nguyên tắc, lối vào bên trong một ngôi nhà không được đi thẳng. Quy tắc này nhằm bảo vệ không gian gia đình, đặc biệt là chỗ ngủ của các thành viên trong gia đình, chống lại sự xâm nhập của các ma (*phi*). [Theo quan niệm của người dân ở đây], các ma này thường di chuyển theo đường thẳng. Chỉ có 13/331 ngôi nhà ở hai bản trên (4%) không cần theo quy tắc này. Còn lại tất cả các ngôi nhà này đều theo kiểu truyền thống.

Khi đi vào trong một ngôi nhà "có mái hiên" hay "nhà đôi", đầu tiên người ta gặp một mái hiên gọi là *rabieng* hay *rabieng* (hoặc nữa là *ky*:(3). Đây là nơi người ta tiếp khách (lúc có nghi lễ, ngày hội hoặc ngày thường). Ở đó người ta thường ăn uống, xem vô tuyến khi có đông người hoặc thời tiết quá nóng. Chỗ này được che phủ bởi một mái đơn, thường xuyên mở ra bên ngoài; hiên nhà là chỗ đệm giữa bên ngoài và phần bên trong riêng biệt của ngôi nhà. Lối vào phía trong nhà, ít ra là có một phần, bị ngăn lại bởi các vách và các cửa. Phần bị "khép kín" của ngôi nhà này, đối lập với phần hiên nhà, được che phủ bởi một mái có hai mái dốc.

Phần nhà này được chia bằng các vách liếp hay màn, hay được phân thành ba gian nhà gọi là *ho:ng*. Mỗi gian có một chức năng riêng, tất cả các gian được sắp xếp theo kiểu thứ bậc lấy trục Đông-Tây và "cột hồn" làm quy chiếu.

2. Không gian để ngủ

Gian cuối của phần phía Đông được gọi là *ho:ng pyng* (chúng tôi tạm dịch là "buồng phía Đông")- H.13. Trên đây, chúng ta đã thấy giá trị mang tính biểu tượng mà người Isan gán cho phía Đông: hướng của sinh sôi, sự sống-đối lập với hướng Tây – hướng của sự chết chóc. Chính *ho:ng pyng* có ý nghĩa như thế mà người ta dựng "cột hồn". Gần cột này người ta đặt tượng Phật. Về nguyên tắc, gian này dành cho chủ nhà với vợ và các con nhỏ tuổi của ông ta. Có lúc, những con trai lớn tuổi của họ có thể ngủ ở đó. Ngược lại người ta cấm con rể hay con dâu đến đó vì họ không thuộc nhánh (*sy:a*) của gia đình đã tạo nên ngôi nhà. Sự có mặt của họ ở "buồng phía Đông" sẽ làm phiền cho các ma nhà (*phi hy:an*) - ma bảo vệ - và gây nên sự rối loạn trong ngôi nhà.

Dù là nhà truyền thống hay hiện đại, "buồng phía Đông" được phân cách với các gian khác bằng một tấm vách. Tuy vậy, buồng này được mở thông ra hiên nhà hoặc ngăn cách với hiên nhà bởi một bình phong có thể di chuyển được (ví dụ cái tủ). Việc mở cửa "phòng phía Đông" trông ra không gian chung của ngôi nhà có thể ngược với tính chất thiêng liêng của ngôi nhà cũng như ngược với vô số cấm kỵ của gian buồng ấy. Tuy nhiên việc mở cửa như thế, về mặt từ nguyên học (*étymologique*) có thể lý giải bằng nghĩa "mái hiên", tương đương với thuật ngữ "*pyng*" trong tiếng Lào (4). Nếu các thành viên xưa kia ngủ trong gian nhà ấy mất đi, thường người ta không dùng nơi ấy

làm chỗ ngủ nữa mà chỉ sử dụng làm nơi tiếp khách. Trong các dịp lễ của gia đình, những người có địa vị cao (các nhà sư, người già), khách khứa nam giới có thể ngủ tại đó nếu chủ nhà cho phép, và nếu họ không đi cùng vợ.

Gian "buồng phía Đông" do vị trí, chức năng của nó, đối lập (5) với gian nhà được gọi là *ho:ng swam* (chúng tôi dịch là phía Tây (6) - tác giả). Căn buồng này dành cho đôi vợ chồng thứ hai trong gia đình, hay các cậu con trai, các cô gái đã thành thân (7) hoặc chỗ các cô gái đã đến tuổi dậy thì. Trong khi "buồng phía Đông" có thể dùng để đón khách nam giới thì "buồng phía Tây" lại chỉ dành cho đón tiếp khách nữ giới - nơi ngủ của các cô gái chưa chồng.

Hai khoảng không gian đối lập nhau ở trên được chia cắt bởi một khoảng không gọi là *ho:ng ka:ng* (buồng giữa). Tùy theo từng trường hợp, giữa gian này có thể dành cho chủ nhà, vợ của ông ta hay các con trai, con gái đã lớn. Cũng có thể nó được dùng làm nơi để đồ đạc (*ho:ng kong*). Chúng tôi lưu ý rằng các gian để ngủ không thể dùng theo cách hoán vị cho nhau. Thực vậy, người ta không thể chuyển "gian ở phía Đông" vào vị trí "gian giữa" hay "gian ở phía Tây" hoặc ngược lại. Ngay cả việc biến gian ngủ thành hiên nhà hoặc ngược lại cũng không được chấp nhận (8). Người ta không thể thay đổi vị trí các bộ phận của ngôi nhà, cũng giống như không thể thay đổi các bộ phận của cơ thể đã được sắp xếp theo thứ tự trên dưới (9). Sự thay đổi ấy chính là nguyên nhân của những rối loạn mang tính chất xã hội.

3. Tư thế và việc đi lại của các cá nhân trong ngôi nhà

Trong gian để ngủ, người ta dùng "cột hồn" và "cột đầu tiên" để xác định vị trí cho

mọi người. Đầu của người ngủ phải hướng về "cột hồn" và hướng về tượng Phật. Chân của họ phải quay về "cột đầu tiên" (để cho cơ thể người phải vuông góc với đòn nóc). Theo quan sát ở hai bản nghiên cứu, khi các thành viên ngủ trong nhà, không có trường hợp nào vi phạm quy tắc trên. Ngược lại, khi ngủ ở hiên nhà và gian phía Tây, người ta có thể tự do thoải mái quay đầu theo sở thích.

Dân bản giải thích quy tắc trên bằng lý do tôn trọng vị trí "cột hồn" tượng trưng cho đầu nhà và "cột đầu tiên" tượng trưng cho chân nhà. Giữa hai bên hàng cột này, nằm lộn đầu hay để cơ thể vuông góc với hai hàng cột ấy sẽ tạo nên sự mất cân bằng trong ngôi nhà (H.14).

Liên quan đến vị trí của người ngủ còn có hai quy tắc khác: Quy tắc thứ nhất bắt buộc những người ngủ cùng một chỗ có địa vị khác nhau phải đặt đầu ở các vị trí lệch nhau: đầu của người vợ phải thụt xuống so với đầu của người chồng. Cũng vậy, đầu nhà sư cả phải cao hơn so với đầu các sư lúc ngủ (H15). Quy tắc thứ hai cho rằng chân của người ngủ không được quay về đầu người kia (*cái đầu sợ cái chân, cái chân sợ cái đầu* - dân bản cắt nghĩa việc này như vậy). Sau đây chúng ta thấy rằng quy tắc này đã vượt khỏi giới hạn của gia đình. Trong một số trường hợp, quy tắc đó thay đổi theo địa vị của người nằm ngủ: một người già có thể quay chân hướng về đầu một người trẻ, một vị sư cả có thể quay chân vào hướng đầu các vị sư, nhưng không thể ngược lại.

Trong hai bản nghiên cứu, qui tắc này được tôn trọng theo một hệ thống tồn tại trong gia đình. Quy tắc này liên quan đến quan niệm của người Lào mà theo đó, đầu là bộ phận quan trọng nhất của con người, đối

lập với địa vị thấp nhất của cái chân (10). Phù hợp với quan niệm thứ bậc của cơ thể con người, người ta không thể bước qua một người đang nằm, hay đi trên đầu họ. Để tránh những điều ấy, người ta ngủ luôn phải để đầu sát vào vách (11). Hơn nữa, ở gian ngủ, tất cả sự đi lại dọc theo hàng cột có "cột hồn" đều bị cấm. Chính hướng của dãy cột này là hướng của người ngủ phải quay đầu vào. Việc đi lại ở gian ngủ được qui định là dọc theo cột có "cột hồn" đầu tiên.

Sự đối lập lưỡng phân với đầu- chân, Đông-Tây xác định tư thế của người ngủ, tùy theo địa vị của gia đình. Nhưng người ta cũng thấy những người ngoài vào tham dự các nghi lễ gia đình chấp nhận các qui tắc ấy. Khi có các nghi lễ Phật giáo được tổ chức ở gia đình, lúc khánh thành nhà mới, lúc đám cưới, đám ma, các nhà sư chỉ đi lại ở phần nhà phía Đông. Vị sư cả ngôi ở phía Đông- Bắc, gần tượng Phật. Theo sau ông là các sư. Sau họ là những người đàn ông đã trưởng thành được gọi là *pho jai*, ngôi trước mặt các vị sư. Khu vực giữa nhà và cánh gà phía Tây của gian tiếp khách là chỗ của các phụ nữ cao tuổi *mE:jai* (các bà). Những đứa con (*lu:k*) hay cháu (*la:n*) tập trung ở phía ngoài, theo giới tính, hoặc ở gần những người đàn ông, hoặc ở gần những người đàn bà (H.16). Sự bố trí như vậy cũng được áp dụng cho các nghi lễ không phải là Phật giáo. Ví dụ nghi lễ gọi hồn (*su:khwam*). Trong nghi lễ này, những người già (dù là nam hay nữ) ngôi ở phía Đông của ngôi nhà. Trong những khung cảnh không mang tính thể thức nhiều, các qui tắc này có thể ít thể hiện chặt chẽ hơn. Ví dụ các bữa ăn thường được dọn ra ở bất cứ chỗ nào của hiên nhà, ở bếp hay ở chỗ nào đó trong nhà khi trời nóng. Còn nữa, không có chỗ quy định để

đón khách vào các dịp, dù là gian giữa hay gian phía Đông của hiên nhà - thường là chỗ được người ta coi là để tiếp khách.

Nếu mỗi cá nhân trong nhà đều có vị trí theo quy định thì các con vật nuôi trong nhà cũng vậy. Ví dụ, trong những ngôi nhà truyền thống, các gia súc lớn được nhốt gần sàn, phía dưới các buồng ngủ. Cũng vậy, việc dệt vải của phụ nữ cũng chỉ được diễn ra dưới gầm sàn, phía dưới mái hiên chứ hiếm khi ở dưới sàn ngủ.

4. Bếp

Ngoài các gian để ngủ và nghỉ ngơi, ngôi nhà còn có khoảng không gian để làm việc nội trợ. Khu vực đó gồm có bếp (*khwa*) và chỗ để các bình nước (*bonnam*). Chúng tôi đã đề cập, phía Đông của ngôi nhà, phần được coi là vị trí cao hơn, là dành cho nam giới. Trong khi đó, phần phía Tây là dành cho nữ giới. Đa phần các ngôi nhà truyền thống đều có bếp ở phía Tây (78%), chỉ có 3% bếp ở phía Đông. Dù là kiểu nhà "có mái hiên" hay "nhà đôi", để tránh khói, bếp không bao giờ chung mái với gian để ngủ. Lúc ấy người ta gọi là *ra bieng kwa*.

Cuối cùng, nếu tách ra khỏi nhà, bếp có thể có mái gồm hai mặt phẳng nghiêng. Dù là ở vị trí nào, nói chung, bếp vẫn được đặt trên một mặt bằng thấp hơn so với mặt bằng của ngôi nhà.

5. Thứ bậc các tầng nhà

Bếp không phải là phần duy nhất của ngôi nhà, nếu lấy chiều cao các cột để làm mốc cho mặt bằng. Ở ngôi nhà truyền thống, các sàn nhà làm theo cấu trúc phức tạp, có năm mức sàn cao thấp khác nhau (kể cả nền đất, nơi người ta rửa chân và nhà tiêu cũng được tính vào mức sàn đầu tiên).

Bảng 3: Các loại sàn nhà

Mức sàn nhà	Mức thấp nhất	Mức thứ hai	Mức thứ ba	Mức thứ tư	Mức thứ năm	Tổng cộng
		31 (15,0%)	140 (68,0%)	33 (16,0%)	2 (1,0%)	206 (100%)

Bảng 3 chỉ ra rằng có 68% nhà truyền thống có ba mức sàn (*sa:n*): nền đất đất là mặt bằng thấp nhất. Bếp và các ống nước đặt ở tầng hai gọi là *sa:n khrwa*. Ở mức sàn thứ ba (*sa:n non*) người ta dùng làm nơi đón khách và là chỗ ngủ.

Trong những trường hợp phức tạp hơn, sàn nhà mức thứ hai được gọi là *sa:n*, bếp ở sàn thứ ba thấp hơn chỗ tiếp khách (*sa:n rabieng*) nơi tiếp khách lại thấp hơn chỗ nghỉ ngơi. S.J.Tambiah (1970) đã chỉ ra rằng những mức sàn cao thấp khác nhau có chức năng mang tính biểu tượng khác nhau. Ngay cả những cặp đối lập Đông- Tây, cột hồn - cột đầu tiên, đầu - chân, đàn ông - đàn bà, cả - út, cao - thấp đều biểu thị về mặt vật chất mức độ cao thấp khác nhau của ngôi nhà. Sự đối lập đó cũng góp phần vào việc duy trì các trật tự xã hội (xét về mặt tinh thần) đã tạo các quan hệ giữa các cá nhân.

Trong các lễ nghi hay trong những bữa ăn ngày lễ, các cá nhân có địa vị cao (sư, người già), ngồi ở mức sàn cao hơn, đối lập với những người trẻ, ngồi ở mức sàn thấp hơn. Thêm nữa, trong những ngày lễ, địa vị của các chức sắc tôn giáo so với chức vụ thế tục không được thể hiện trên các vị trí cao thấp của mức sàn nhà. Đó là trường hợp ở trong các nhà chùa. Lý do của nó đơn giản là do diện tích nhà eo hẹp và số lượng người đông. Những cái chiếu được trải ra cho các nhà sư, chỉ có sự khác nhau về địa vị, thay cho các sàn nhà.

6. Tổ chức theo kiểu thứ bậc của các phần phụ trong ngôi nhà

Không gian trong ngôi nhà và các phần phụ thường được giới hạn bởi một hàng rào (*rwa ba:n*). Bên trong hàng rào người ta thấy có những ngôi nhà, nơi rửa ráy, nhà tiêu, kho đựng thóc. 67% các ngôi nhà ở bản Amphawan và 68% ở bản Han có nhà tiêu. Sự tồn tại hay vắng mặt của các công trình phụ này và những vật liệu xây dựng nó đã chứng tỏ hoàn cảnh kinh tế của các gia đình. Phần lớn trường hợp nhà tiêu và chỗ rửa ráy thường được đặt xa nhà ở. Chúng thường đặt cách xa nhau. Trong khi đó, người ta thường thấy ở gần các nhà tiêu là các ống nước để rửa. Sự sắp đặt không phải là ngẫu nhiên. Hiếm khi người ta bố trí ngẫu nhiên các công trình phụ ở gần cửa ngôi nhà. Giống như buồng ngủ, các công trình phụ mang tính riêng biệt, được đặt ở phía sau nhà hay ở một góc sân (H.24).

Kho để thóc là lều nhỏ, có sàn, có mái dôi. Hình dạng của nó giống như ngôi nhà. Theo dân bản, kho để thóc không có "cột hồn" và "cột đầu tiên". Vị trí của nó cũng như các công trình phụ thể hiện rõ các quy tắc thứ bậc.

Chúng tôi lưu ý rằng đòn nóc của kho thóc, giống như ngôi nhà, nói chung có hướng Đông-Tây. Không bao giờ cửa của nó mở ra hướng Tây- Bắc - được coi là hướng của các con chuột phá hoại thóc. Kho thóc có thể nằm trong sân, đối diện với phía đầu

nhà. Một sự sắp đặt như vậy không phù hợp với địa vị thấp của nó. Quy tắc này không được áp dụng nếu kho thóc đó là của gia đình khác. Quy tắc đó không được áp dụng cho các phân phụ khác như nhà tiêu, chỗ đựng nước - những công trình được coi là có vị thế thấp.

Sự thay đổi vị trí của kho thóc cũng tuân theo những quy tắc chặt chẽ. Nếu việc di chuyển kho thóc theo đường thẳng là có thể, khi mà sự di chuyển này được thực hiện ở trên cùng phía một ngôi nhà (H.25). Ngược lại việc di chuyển sang bên cạnh bị cấm. Trong quan niệm của dân làng, sự thay đổi chỗ này không được thực hiện theo đường cong mà phải theo đường thẳng. Nếu theo đường cong nó giống như việc người ta bước chân qua một người đang nằm.

Chúng ta lưu ý rằng vào năm 1985, có một chiến dịch của chính phủ vận động dân làng rào các mảnh đất của họ lại (bao gồm nhà ở và các công trình phụ). Chiến dịch này tên là B.W.R (Làng - Chùa - Trường học), nhằm tác động tới sự tham gia của dân làng vào phong trào mang tính tổng hợp của chính phủ và gợi ý họ tổ chức, theo một cách thức chung nhất, có hệ thống, việc làm vệ sinh các khu đất công cộng cũng như khu đất riêng ở trong làng.

Việc áp dụng ngay những biện pháp này đã tạo ra một kết quả không thể chối cãi được: nó làm nên những khoảng không gian riêng biệt của từng gia đình và hạn chế việc đi lại tự do trước kia của các cá nhân ở các ngôi nhà gần nhau.

Chú thích

(*). Trích dịch từ *Habitations et habitat de l'Asie du Sud - Est continentale* (Nhà cửa và điều kiện cư trú ở Đông Nam Á lục địa). Chủ biên: Jacqueline

Matras - Guin và Christian Taillard. Nxb. Harmanttan, Paris, 1992, tr. 149- 175.

1. Theo quan niệm truyền thống, các xà và xà ngang của ngôi nhà phải có số lẻ.
2. Xem S.Charpentier, P.Clément(1975.tr.194).
3. Theo từ điển Thai Isan/Thai (1972, tr.339) thuật ngữ *sot* và *sy*:*J* cũng sử dụng ở một số nơi thuộc vùng Đông- Bắc.
4. Nghĩa của từ hiên nhà trong tiếng Lào có thể là "gian mở ra hướng gió".
5. Thuật ngữ *swam* tỏ rõ sự nhập nhằng trong cách sử dụng ngôn ngữ của người Lào: như M.Ferlus đã lưu ý về "buồng ngủ" và "chỗ đi vệ sinh". Ngược lại với *pyng*, thuật ngữ *swam* là một thuật ngữ Thái. Như M.Ferlus đã lưu ý, A.G Haudricourt(1984) đã phục nguyên thuật ngữ *swam* từ thuật ngữ *sow* trong tiếng Thái nói chung (thuật ngữ được sử dụng trong 5 thổ ngữ của tiếng Thái).
6. Do khuynh hướng cư trú bên nhà vợ của người Lào Isan, con rể thường ở bên nhà vợ.
7. Khi bếp ở *rabieng*, người ta có thể chuyển nó ra bên ngoài .
8. Hình tượng ví căn nhà như một cơ thể thường được dân bản ở đây sử dụng.
9. Có một ngoại lệ cho qui tắc ngủ quay đầu về phía Tây. Ở ban Han, quy tắc này được thực hiện khi ngủ trong *sala* thuộc *wat-ba:n* (chùa của làng), hay ở *wat-pa* (chùa của rừng), trong lễ *Phansa* (lễ ăn chay của đạo Phật). Điều này rất phổ biến ở Thái Lan, bởi trong các *sala* này, các tượng Phật phải luôn quay mặt về hướng Đông, hướng mà Phật đã quay lại khi tái ngộ. Các đệ tử của Phật tôn trọng quy tắc này, luôn quay đầu khi ngủ về hướng tượng Phật đã vi phạm qui tắc cấm quay đầu ngủ về hướng Tây. Đối với dân làng, sự vi phạm này không nguy hiểm vì họ đã được Phật bảo vệ. Ở ngôi chùa Amphawan, tượng Phật được đặt đối diện với hướng Nam, các đệ tử Phật giáo ngủ quay đầu về hướng Bắc.
10. Quan niệm này được người Thái nói chung sử dụng. Một phong tục Thái cho rằng, trước khi cắt tóc một người, người thợ cắt tóc phải xin lỗi khách hàng vì đã chạm vào đầu họ. Một cách để biểu thị sự khinh miệt với người khác là chạm vào đầu họ.
11. Vì lý do này, các thành viên của gia đình không thể ngủ quay đầu đối diện với cột đỡ xà ngang. Các ma nhà di chuyển ở cột này.